

Số: 3057/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 21 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Điều lệ Hội doanh nghiệp
huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 56/TTr-SNV ngày 07/02/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Điều lệ Hội doanh nghiệp huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa đã được Đại hội lần thứ nhất, nhiệm kỳ 2016 - 2021 Hội doanh nghiệp huyện Tĩnh Gia thông qua ngày 22/7/2016, bao gồm 07 chương, 24 điều.

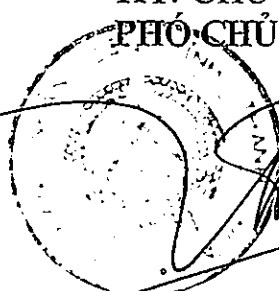
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở Nội vụ, Chủ tịch UBND huyện Tĩnh Gia, Chủ tịch Hội doanh nghiệp huyện Tĩnh Gia, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKH.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thị Thìn

ĐIỀU LỆ

Hội Doanh nghiệp huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa
(*Phê duyệt kèm theo Quyết định số: 3057/QĐ-UBND ngày 2/8/2017
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa*)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

1. Tên gọi: Hội doanh nghiệp huyện Tĩnh Gia.
2. Biểu tượng: Có biểu tượng riêng theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tôn chỉ và mục đích

1. Hội doanh nghiệp huyện Tĩnh Gia (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội - nghề nghiệp của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đang hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn huyện Tĩnh Gia.

2. Mục đích hoạt động của Hội nhằm hợp tác, liên kết, hỗ trợ và giúp đỡ lẫn nhau trong việc phát triển nghề nghiệp, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, dịch vụ, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các hội viên; giúp các doanh nghiệp thành viên tiếp thu chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước và quan hệ hợp tác với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước. Hoạt động của Hội có vai trò là cầu nối giữa các doanh nghiệp với các cơ quan quản lý Nhà nước với cấp chính quyền trong huyện, trong tỉnh, đóng góp ý kiến xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển doanh nghiệp và quan hệ hợp tác kinh tế quốc tế phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng để hoạt động theo quy định của pháp luật.
2. Trụ sở của Hội đặt tại: Thị trấn Tĩnh Gia, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

Điều 4. Phạm vi và lĩnh vực và hoạt động

1. Hội hoạt động trong phạm vi huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.
2. Hội chịu sự quản lý Nhà nước của UBND huyện Tĩnh Gia và các ngành có liên quan đến hoạt động của Hội.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN

Điều 6. Nhiệm vụ của Hội

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội đã được phê duyệt. Không lợi dụng hoạt động của Hội làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp hội viên nhằm trao đổi kinh nghiệm, hỗ trợ lẫn nhau, nâng cao hiệu quả sản xuất - kinh doanh - dịch vụ, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa; tập hợp, nghiên cứu ý kiến của các doanh nghiệp, phản ánh, kiến nghị, đề xuất với các cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương để thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh cho các doanh nghiệp.

3. Đại diện cho hội viên kiến nghị với các cơ quan nhà nước về chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội nói chung và những cơ chế, chính sách phát triển doanh nghiệp trên địa bàn huyện.

4. Hỗ trợ và giúp đỡ hội viên trong việc xây dựng và phát triển sản xuất - kinh doanh - dịch vụ; cung cấp các thông tin về chính sách, pháp luật của nhà nước, tạo điều kiện cho các hội viên chủ động trong việc tìm kiếm, phát triển thị trường và hạn chế rủi ro trong sản xuất - kinh doanh, tham gia các hoạt động tư vấn, phổ biến về lĩnh vực hội viên có năng lực và theo quy định của pháp luật.

5. Đại diện và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người sử dụng lao động là hội viên của Hội.

6. Tuyên truyền, phổ biến hướng dẫn doanh nghiệp thành viên và người lao động tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước, quy chế, quy định và Điều lệ của Hội.

7. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật.

8. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội.

9. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

10. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Điều 7. Quyền hạn của Hội

1. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội.

2. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Hội và hội viên. Tổ chức phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội, hòa giải tranh chấp trong nội bộ Hội.

3. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan đến hoạt động và sự phát triển của Hội.

4. Được gây quỹ của Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để đảm bảo kinh phí hoạt động.

5. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.

6. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật (nếu có).

Chương III HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên chính thức: Là các doanh nghiệp đóng trên địa bàn huyện Tĩnh Gia thuộc mọi thành phần kinh tế, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, cá nhân, nhà khoa học, cán bộ quản lý của các cơ quan nhà nước được giới thiệu tham gia Hội, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện làm đơn đăng ký gia nhập Hội và được Ban Chấp hành chấp thuận đều trở thành hội viên của Hội.

2. Hội viên danh dự: Là những tổ chức, cá nhân, các nhà quản lý, nhà khoa học - kỹ thuật có uy tín, có kinh nghiệm, có công lao lớn đối với sự phát triển của các doanh nghiệp, tán thành Điều lệ Hội, được Ban Chấp hành Hội mời làm hội viên danh dự của Hội.

3. Hội viên liên kết: Là các doanh nghiệp trong và ngoài nước có đăng ký hoạt động kinh doanh hợp pháp tại huyện Tĩnh Gia, tán thành Điều lệ Hội, có đơn xin gia nhập Hội.

Điều 9. Nhiệm vụ của hội viên

1. Tôn trọng và chấp hành Điều lệ Hội, Nghị quyết của Đại hội, Quyết định của Ban Chấp hành Hội.
2. Tham gia đều đặn và đầy đủ các hoạt động và sinh hoạt của Hội, đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để cùng nhau góp phần xây dựng Hội ngày càng vững mạnh.
3. Đóng lệ phí gia nhập và hội phí đầy đủ, đúng kỳ hạn theo quy định do Đại hội của Hội hoặc Ban Chấp hành Hội đề ra (trừ hội viên danh dự).
4. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được Chủ tịch, Ban Chấp hành Hội phân công.
5. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.
6. Thực hiện các báo cáo có liên quan theo quy định của Hội.

Điều 10. Quyền lợi của hội viên

1. Được đóng góp ý kiến, kiến nghị thông qua Hội và được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn của Hội theo quy định của pháp luật.
2. Được cung cấp những thông tin phục vụ cho việc nghiên cứu sản xuất và kinh doanh. Tham gia các hội nghị, hội thảo, tập huấn, đào tạo tay nghề do Hội tổ chức hoặc Hội được mời tham gia.
3. Được tham gia các công việc của Hội, được yêu cầu Hội làm trung gian hoặc tư vấn trong các giao dịch liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, đào tạo nguồn nhân lực.
4. Được Hội cung cấp thông tin, giúp đỡ hòa giải khi có tranh chấp, được tham gia các hình thức liên kết do Hội tổ chức.
5. Được ứng cử, đề cử, bầu cử vào các cơ quan lãnh đạo của Hội, thảo luận, biểu quyết các Nghị quyết của Hội, được tham gia các Đại hội, các hội nghị, hội thảo của Hội. Được phê bình, chất vấn Ban Chấp hành Hội về mọi chủ trương và hoạt động của Hội.
6. Được ra khỏi Hội trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đồng ý của Hội.
7. Hội viên danh dự và hội viên liên kết được hưởng các quyền như hội viên chính thức, trừ quyền ứng cử, bầu cử vào chức danh lãnh đạo của Hội và quyền biểu quyết các vấn đề của Hội.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra khỏi Hội

1. Tập thể, cá nhân muốn vào Hội phải có đơn tự nguyện, Ban Chấp hành Hội xem xét quyết định kết nạp và cấp thẻ hội viên.

2. Tư cách hội viên sẽ không còn giá trị nếu xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Doanh nghiệp ngừng hoặc bị đình chỉ hoạt động, bị giải thể, tuyên bố phá sản.

b) Hội viên tự nguyện xin rút khỏi Hội.

c) Các hội viên là cá nhân khi bị tước quyền công dân. Trường hợp hội viên là tổ chức mà người đại diện pháp luật bị tước quyền công dân thì doanh nghiệp đó vẫn là hội viên của Hội và chỉ cần thay người đại diện theo pháp luật.

d) Khi hội viên tự nguyện xin rút khỏi Hội phải có đơn xin rút khỏi Hội, trong vòng 30 ngày Hội sẽ có công văn trả lời hội viên.

3. Hội viên bị khai trừ ra khỏi Hội trong các trường hợp sau:

a) Hoạt động trái với quy định của pháp luật Việt Nam.

b) Không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của hội viên, không thực hiện đúng nghĩa vụ hoặc vi phạm nghiêm trọng những quy định, nghị quyết của Hội.

c) Hoạt động trái với tôn chỉ, mục đích của Hội, gây tổn hại đến tài chính và uy tín của Hội.

Việc khai trừ hội viên nói trên phải được sự nhất trí của trên 50% số ủy viên Ban Chấp hành. Quyền và nghĩa vụ của hội viên chấm dứt sau khi Ban Thường trực Hội ra thông báo.

Chương IV

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành.
3. Ban Thường trực.
4. Ban Kiểm tra.
5. Văn phòng Hội.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi có ít nhất 2/3 tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu

được tổ chức khi có trên 1/2 số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ, phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới.

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có).

c) Thảo luận, góp ý kiến vào báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và báo cáo tài chính của Hội.

d) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra.

đ) Các nội dung khác (nếu có).

e) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định.

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành

1. Ban Chấp hành Hội là cơ quan lãnh đạo Hội giữa hai nhiệm kỳ Đại hội và do Đại hội bầu trong số các hội viên của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo các hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội.

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội.

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội.

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường trực; quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường trực, bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được quá 1/5 so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

b) Ban Chấp hành Hội 06 tháng họp một lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường trực hoặc của trên 2/3 tổng số ủy viên Ban Chấp hành.

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có trên 1/2 số ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định.

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành.

Điều 15. Ban Thường trực

1. Ban Thường trực Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường trực Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường trực do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường trực cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường trực:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành.

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành.

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hội.

d) Quyết định kết nạp hội viên và cho hội viên ra khỏi Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường trực:

a) Ban Thường trực hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

b) Ban Thường trực 01 tháng họp một lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 2/3 tổng số ủy viên Ban Thường trực.

c) Các cuộc họp của Ban Thường trực là họp lệ khi có ít nhất 1/2 ủy viên Ban Thường trực tham gia dự họp. Ban Thường trực có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường trực quyết định.

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường trực được thông qua khi có trên 1/2 tổng số ủy viên Ban Thường trực dự họp biểu quyết tán thành.

Điều 16. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra Hội gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban và một số ủy viên do Ban chấp hành Hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Ban chấp hành Hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường trực, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên.

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội.

3. Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Kiểm tra ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 17. Chủ tịch, Phó Chủ tịch

Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu ra trong số các Ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

1. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Tổ chức triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội, của Hội nghị đại biểu và các quyết định của Ban Chấp hành Hội.

b) Triệu tập và chủ trì cuộc họp của Ban Chấp hành Hội, Ban Thường trực Hội.

c) Trực tiếp điều hành bộ phận thường trực Hội.

d) Trực tiếp phụ trách công tác tổ chức - nhân sự - tài chính của Hội.

đ) Phê duyệt nhân sự Văn phòng Hội.

e) Chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành Hội và toàn thể hội viên và pháp luật về hoạt động của Hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Chủ tịch:

Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu ra trong số các Ủy viên Ban Thường trực. Số lượng Phó Chủ tịch do Ban Chấp hành quyết định. Phó Chủ tịch là người giúp việc cho Chủ tịch Hội, được phân công phụ trách một số công việc và phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch và Ban chấp hành về những công việc được phân công. Trong số các Phó Chủ tịch có một Phó Chủ tịch được phân công thường trực để thay thế Chủ tịch điều hành công việc của Hội khi Chủ tịch vắng mặt.

Điều 18. Văn phòng Hội

Văn phòng Hội được tổ chức và hoạt động theo quy chế do Ban chấp hành Hội ban hành. Văn phòng Hội là cơ quan hành chính phục vụ thường xuyên các hoạt động của Hội, có nhiệm vụ như sau:

1. Tổ chức và hoạt động của văn phòng theo quy chế do Ban chấp hành quy định chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hội.
2. Phục vụ Ban Chấp hành tổ chức các cuộc họp của Hội.
3. Tìm kiếm thông tin qua nhiều kênh (báo chí, các văn bản nhà nước...) để cung cấp cho hội viên khi có nhu cầu.
4. Ghi chép đầy đủ và minh bạch các khoản thu, chi của văn phòng, theo dõi, tổng hợp, báo cáo định kỳ theo quy định.

Chương V TÀI CHÍNH, TÀI SẢN

Điều 19. Tài chính của Hội

1. Nguồn thu của Hội, gồm:
 - a) Lệ phí gia nhập và hội phí hàng năm của các hội viên.
 - b) Các khoản đóng góp tự nguyện, ủng hộ của hội viên.
 - c) Tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài (nếu có).
 - d) Khoản thu từ hoạt động dịch vụ của Hội.
2. Các khoản chi của Hội, gồm:
 - a) Chi phí cho các hoạt động thường xuyên của Hội.
 - b) Chi hỗ trợ các hoạt động từ thiện, xã hội.
 - c) Chi khen thưởng, chi các hoạt động văn hóa, thể thao.
 - d) Các chi phí cần thiết khác.

Điều 20. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản

1. Tài sản của Hội được hình thành trong quá trình hoạt động. Ban Chấp hành Hội quy định việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Báo cáo tài chính, tài sản của Hội được công khai tại hội nghị cuối năm của Ban Chấp hành. Ban Kiểm tra có trách nhiệm kiểm tra việc thu chi tài chính của Hội và báo cáo tại Hội nghị thường niên của Hội.

Chương VI

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 21. Khen thưởng

Tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế có thành tích xuất sắc, tham gia đóng góp xây dựng phát triển Hội, góp phần phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của huyện và các phong trào hoạt động từ thiện, xã hội được Ban Chấp hành quyết định khen thưởng hàng năm. Đồng thời, đề nghị các cấp, các ngành, địa phương và các tổ chức chính trị - xã hội khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Kỷ luật

Tổ chức, cá nhân là hội viên của Hội nếu có những hành vi làm tổn hại đến uy tín, danh dự của Hội, vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Hội thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xem xét, xử lý kỷ luật hoặc khai trừ ra khỏi Hội.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

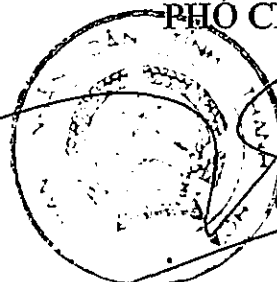
Việc sửa đổi, bổ sung điều lệ Hội phải được Đại hội toàn thể hội viên của Hội thông qua và phải được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá phê duyệt mới có giá trị.

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hội gồm 07 chương, 24 điều đã được Đại hội Hội lần thứ nhất, nhiệm kỳ 2016 - 2021 của Hội doanh nghiệp huyện Tĩnh Gia thông qua ngày 22/7/2016 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa ký Quyết định phê duyệt.

2. Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội doanh nghiệp huyện Tĩnh Gia có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thị Thìn